ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHÍ MINH

Phụ lục số 01

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VIÊN CHỨCTHEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HIỆN CÓ
SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỀ XUẤT CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG II LÊN HẠNG I
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON, GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

TT	Cơ quan	Số người làm việc được giao	Tổng viên chức ngành giáo dục hiện có	Số viên chức ngành giáo dục giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện có					Yêu cầu bố trí theo vị trí việc làm (Căn cứ Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị)							Đề xuất chỉ tiêu thăng hạng viên chức giáo viên			Ghi chú
					Tổng số	CDNN hạng I	CDNN hạng II	CDNN hạng III	Các CDNN khác hạng thấp hơn	CDNN hạng I (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)			CDNN hạng II (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)		CDNN hạng III trở xuống (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)		CDNN hạng I			
										Tỉ lệ	Số lượng	Chỉ tiêu còn lại	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tổng	Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	
	TỔNG SỐ									**0.3**	**32.1**	**19.1**	**5.5**	**160.5**	**4.4**	**128.4**	**3**	**1**	**2**	
I	**Khối Mầm non**	**151**	**149**	**12**	**137**	**0**	**80**	**52**	**5**	10%	**13.7**	**13.7**	**2**	**68.5**	**1.6**	**54.8**	**0**	**0**	**0**	
1	Mầm non An Thanh	42	40	3	37	0	20	16	1	10%	3.7	3.7	50%	18.5	40%	14.8	0	0	0	
2	Mầm non Chí Minh I	41	41	3	38	0	24	12	2	10%	3.8	3.8	50%	19	40%	15.2	0	0	0	
3	Mầm non Chí Minh II	26	26	3	23	0	13	9	1	10%	2.3	2.3	50%	11.5	40%	9.2	0	0	0	
4	Mầm non Văn Tố	42	42	3	39	0	23	15	1	10%	3.9	3.9	50%	19.5	40%	15.6	0	0	0	
II	**Khối Tiểu học**	**137**	**122**	**8**	**114**	**9**	**54**	**41**	**10**	10%	**11.4**	**2.4**	**2**	**57**	**1.6**	**45.6**	**1**	**0**	**1**	
1	Tiểu học An Thanh	40	34	2	32	3	15	11	3	10%	3.2	0.2	50%	16	40%	12.8	0	0	0	
2	Tiểu học Chí Minh I	37	34	2	32	3	16	11	2	10%	3.2	0.2	50%	16	40%	12.8	0	0	0	
3	Tiểu học Chí Minh II	21	19	2	17	1	7	7	2	10%	1.7	0.7	50%	8.5	40%	6.8	0	0	0	
4	Tiểu học Văn Tố	39	35	2	33	2	16	12	3	10%	3.3	1.3	50%	16.5	40%	13.2	1	0	1	
III	**Khối THCS**	**96**	**76**	**6**	**70**	**4**	**33**	**25**	**8**	10%	**7**	**3**	**1.5**	**35**	**1.2**	**28**	**2**	**1**	**1**	
1	THCS An Thanh	30	23	2	21	1	9	8	3	10%	2.1	1.1	50%	10.5	40%	8.4	1	0	1	
2	THCS Chí Minh	36	27	2	25	1	13	8	3	10%	2.5	1.5	50%	12.5	40%	10	1	1	0	
3	THCS Văn Tố	30	26	2	24	2	11	9	2	10%	2.4	0.4	50%	12	40%	9.6	0	0	0	

TT	Cơ quan	Số người làm việc được giao	Tổng viên chức ngành giáo dục hiện có	Số viên chức ngành giáo dục giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện có					Yêu cầu bố trí theo vị trí việc làm (Căn cứ Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị)							Đề xuất chỉ tiêu thăng hạng viên chức giáo viên			Ghi chú
					Tổng số	CDNN hạng I	CDNN hạng II	CDNN hạng III	Các CDNN khác hạng thấp hơn	CDNN hạng I (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)			CDNN hạng II (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)		CDNN hạng III trở xuống (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)		CDNN hạng I			
										Tỉ lệ	Số lượng	Chỉ tiêu còn lại	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tổng	Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃCHÍ MINH

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HIỆN CÓ
SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỀ XUẤT CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG III LÊN HẠNG II
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON, GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

TT	Cơ quan	Số người làm việc được giao	Tổng viên chức ngành giáo dục hiện có	Số viên chức ngành giáo dục giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Số lượng viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện có					Yêu cầu bố trí theo vị trí việc làm (Căn cứ Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị)								Đề xuất chỉ tiêu thăng hạng viên chức giáo viên, nhân viên			Ghi chú
										CDNN hạng I (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)				CDNN hạng II (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)				CDNN hạng II			
					Tổng số	CDNN hạng I	CDNN hạng II	CDNN hạng III	Các CDNN khác hạng thấp hơn	Tỉ lệ	Số lượng	Chỉ tiêu xét thăng hạng	Chỉ tiêu còn lại	Tỉ lệ	Số lượng	Chỉ tiêu có thể sử dụng của hạng cao hơn liền kề	Chỉ tiêu tối đa	Tổng	Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	
	TỔNG SỐ	**384**	**347**	**26**	**321**	**13**	**167**	**118**	**23**	**0.4**	**32.1**	**1**	**31.1**	**1.5**	**160.5**	**18.1**	**11.6**	**3**	**0**	**3**	
I	**Khối Mầm non**	**151**	**149**	**12**	**137**	**0**	**80**	**52**	**5**	**0.4**	**13.7**	**0**	**13.7**		**68.5**	**13.7**	**2.2**	**0**	**0**	**0**	
1	Mầm non An Thanh	42	40	3	37	0	20	16	1	10%	3.7	0	3.7	50%	18.5	3.7	2.2	0	0	0	
2	Mầm non Chí Minh I	41	41	3	38	0	24	12	2	10%	3.8	0	3.8	50%	19	3.8	-1.2	0	0	0	
3	Mầm non Chí Minh II	26	26	3	23	0	13	9	1	10%	2.3	0	2.3	50%	11.5	2.3	0.8	0	0	0	
4	Mầm non Văn Tố	42	42	3	39	0	23	15	1	10%	3.9	0	3.9	50%	19.5	3.9	0.4	0	0	0	
II	**Khối Tiểu học**	**137**	**122**	***8***	**114**	***9***	***54***	***41***	***10***		**11.4**	**1**	**10.4**		**57**	**1.4**	**4.4**	**2**	**0**	**2**	
1	Tiểu học An Thanh	40	34	2	32	3	15	11	3	10%	3.2	0	3.2	50%	16	0.2	1.2	0	0	0	
2	Tiểu học Chí Minh I	37	34	2	32	3	16	11	2	10%	3.2	0	3.2	50%	16	0.2	0.2	0	0	0	
3	Tiểu học Chí Minh II	21	19	2	17	1	7	7	2	10%	1.7	0	1.7	50%	8.5	0.7	2.2	2	0	2	
4	Tiểu học Văn Tố	39	35	2	33	2	16	12	3	10%	3.3	1	2.3	50%	16.5	0.3	0.8	0	0	0	
III	**Khối THCS**	**96**	**76**	***6***	**70**	***4***	***33***	***25***	***8***		**7**	**0**	**7**	**1.5**	**35**	**3**	**5**	**1**	**0**	**1**	
1	THCS An Thanh	30	23	2	21	1	9	8	3	10%	2.1	0	2.1	50%	10.5	1.1	2.6	1	0	1	
2	THCS Chí Minh	36	27	2	25	1	13	8	3	10%	2.5	0	2.5	50%	12.5	1.5	1	0	0	0	
3	THCS Văn Tố	30	26	2	24	2	11	9	2	10%	2.4	0	2.4	50%	12	0.4	1.4	0	0	0	